



**Kiến thức, thái độ về dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan
của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2023:
Một nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính**

Bùi Hà Trang¹, Trần Thái Phúc², Nguyễn Ngọc Thành¹

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, ²Trường Đại học Y Dược Thái Bình

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp định lượng và định tính được thực hiện trên 416 sinh viên điều dưỡng từ năm nhất tới năm thứ tư trường Đại học Y Dược Thái Bình. Các câu hỏi đánh giá kiến thức và thái độ về dinh dưỡng được lựa chọn từ các câu hỏi mẫu chọn ra 7 chủ đề của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (2014). Điểm tối đa cho phần đánh giá kiến thức chung là 26 điểm. Điểm tối đa cho phần đánh giá thái độ chung là 99 điểm. **Kết quả:** Có 75,5% sinh viên có kiến thức chung về dinh dưỡng ở mức tốt. 39,9% sinh viên có thái độ về dinh dưỡng còn thấp. Sinh viên năm thứ tư có kiến thức và thái độ tốt hơn nhóm sinh viên 3 năm đầu (trương ứng với OR= 16,7; 95%CI = 3,9-71,9 và OR = 1,9; 95%CI = 1,1-3,3). Các yếu tố nơi ăn, nơi ở và số năm học liên quan đến kiến thức, thái độ về dinh dưỡng của sinh viên. **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về các vấn đề liên quan tới dinh dưỡng khá cao, tuy nhiên, các thái độ về dinh dưỡng liên quan còn thấp.

Từ khóa: Dinh dưỡng, kiến thức, thái độ, sinh viên điều dưỡng.

**Nutritional knowledge, attitude and related factors of nursing students
at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in 2023: A mixed-methods study**

Bui Ha Trang¹, Tran Thai Phuc², Nguyen Ngoc Thanh¹

¹Nam Dinh University of Nursing., ²Thai Binh University of Medical and Pharmacy

ABSTRACT

Objective: To describe the status of nutritional knowledge, attitudes and some related factors of nursing students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in 2023. **Subjects and methods:** Cross-sectional descriptive design, combining qualitative and quantitative for 416 nursing students from years 1 to 4 in Thai Binh University of Medicine and Pharmacy. The knowledge and attitude assessment questions were selected from a pool of sample questions covering the 7 Food and Agriculture Organization of the United Nations (2014) topics. The maximum score for the general knowledge assessment is 26 points. The maximum score for the general attitude assessment is 99 points. **Results:** 75.5% of students had good general knowledge of nutrition. 39.9% of students had low attitudes towards nutrition. Fourth-year students had better knowledge and attitudes than first- to third-year students (respectively with OR=16.7; 95%CI=3.9-71.9 and OR=1.9; 95%CI=1.1-3.3). The factors of eating place, living place, and number of years of study were related to knowledge and attitude towards nutrition of students. **Conclusion:** The percentage of students with good knowledge about nutrition-related issues was quite high, however, the related nutrition-related attitudes were still low.

Keywords: Nutrition, knowledge, attitude, nursing students.

Tác giả: Bùi Hà Trang
Email: buihatrang@ndun.edu.vn
DOI: 10.54436/jns.2023.05.683

Ngày nhận bài: 09/8/2023
Ngày hoàn thiện: 05/10/2023
Ngày đăng bài: 06/10/2023

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới, 80% gánh nặng bệnh mạn tính như đái tháo đường, béo phì, bệnh tim mạch và ung thư thường được chẩn đoán và phát hiện có tác động đáng kể đến sức khỏe con người là do các yếu tố về lối sống và chế độ ăn uống ¹.

Dinh dưỡng không hợp lý của sinh viên đều có thể dẫn tới những ảnh hưởng không nhỏ, để lại hậu quả lâu dài cho sức khỏe, thể lực, khả năng học tập và lao động. Sinh viên (SV) đại học có thể gặp khó khăn trong việc điều chỉnh hành vi ăn uống vì đây là giai đoạn thay đổi môi trường sống nơi họ xa gia đình. Sinh viên sống xa gia đình có xu hướng phát triển thói quen ăn uống kém so với sinh viên sống ở nhà ². Sinh viên đại học có xu hướng thực hành những thói quen ăn uống không lành mạnh như bỏ bữa, ít ăn rau, trái cây và cá, thích đồ ăn béo và ít hoạt động thể chất ³. Do vậy, sinh viên là một trong những đối tượng rất cần được trang bị một nền tảng về kiến thức, thái độ dinh dưỡng tốt để có một tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe tối ưu. Khoảng thời gian học tập tại trường được xem là “thời gian vàng” để sinh viên có thể học và cải thiện kiến thức và thái độ về dinh dưỡng ⁴.

Để có một đánh giá đầy đủ và khoa học liên quan đến dinh dưỡng của sinh viên điều dưỡng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: *Mô tả kiến thức và thái độ về dinh dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2023.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên điều dưỡng.

Tiêu chuẩn chọn: Sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tập tại Trường Đại học

Y Dược Thái Bình từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên vắng mặt vì các lý do như nghỉ ốm, nghỉ học tạm thời trong khoảng thời gian nghiên cứu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 năm 2023 đến tháng 7 năm 2023 tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình,

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang kết hợp định lượng và định tính.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu đánh giá kiến thức, thái độ và tình trạng dinh dưỡng
- $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$ (Với độ tin cậy 95%)
- d: sai số cho phép, chọn $d = 0,05$
- $p = 0,358$ (tham khảo tỷ lệ CED của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội) ⁵.

Thay vào công thức ta được cỡ mẫu đánh giá TTDD là $n = 353$ sinh viên.

Chọn mẫu: Theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, trên thực tế có 416 sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu tham gia vào nghiên cứu.

Công cụ và phương pháp đánh giá

*** Nghiên cứu định lượng:** Các câu hỏi đánh giá kiến thức và thái độ về dinh dưỡng được lựa chọn từ các câu hỏi mẫu chọn ra 7 chủ đề của FAO (2014) phù hợp với đối tượng sinh viên trong nghiên cứu. Bộ công cụ được dịch và sử dụng trong nghiên cứu của Nguyễn Lê Quỳnh Như trên SV Y khoa năm 3 trường Đại học Phạm Ngọc Thạch năm 2020 ⁶.

Đánh giá kiến thức và thái độ theo ngưỡng cắt đề nghị cần thiết can thiệp giáo dục dinh dưỡng của FAO (2014) ⁷.

- Phần thông tin chung: không tính điểm.

- Phần đánh giá kiến thức: Có tổng số của 26 câu hỏi về kiến thức. Mỗi câu/ý trả lời đúng được 1 điểm, trả lời không đúng được 0 điểm. Điểm tối đa cho phần đánh giá kiến thức chung là 26 điểm.

+ Trả lời đúng $\geq 70\%$ (≥ 18 điểm): kiến thức đạt.

+ Trả lời đúng $< 70\%$ (< 18 điểm): kiến thức không đạt.

- Phần đánh giá thái độ: Có tổng số 33 câu hỏi thái độ trong bộ câu hỏi nghiên cứu, các câu hỏi đều sử dụng thang phân loại 3 mức độ của Likert: mức 1 điểm được đưa ra cho lựa chọn “không tích cực”, 2 điểm cho lựa chọn “bình thường/không chắc”, 3 điểm cho lựa chọn “tích cực”. Điểm tối đa cho phần đánh giá thái độ chung là 99 điểm.

+ Trả lời $\geq 70\%$ tổng điểm thái độ (≥ 70 điểm) được coi là thái độ tích cực.

+ Trả lời $< 70\%$ tổng điểm thái độ (< 70 điểm) là thái độ không tích cực.

* **Nghiên cứu định tính:** Phỏng vấn sâu sử dụng bộ câu hỏi thiết kế, phỏng vấn trực tiếp từng đối tượng, điền câu trả lời vào mẫu phiếu in sẵn. Nội dung bao gồm: Thông tin chung của đối tượng; Các câu hỏi về yếu tố liên quan tới kiến thức, thái độ và tình trạng dinh dưỡng của sinh viên.

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Số liệu được kiểm tra, làm sạch ngay sau khi thu thập, tiến hành phân tích sơ bộ sau đó nhập vào máy tính và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0: thống kê mô tả được lập bảng phân bố tần số và tỷ lệ phần trăm các biến số và tính tỷ suất chênh OR, 95%CI để xác định mối liên quan.

Đạo đức của nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành sau khi đề cương nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng Khoa học và Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 891/GCN-HĐĐĐ ngày 18/04/2023).

- Giải thích mục đích ý nghĩa của cuộc điều tra cho SV hiểu và quyết định tham gia nghiên cứu.

- Điều tra trên những đối tượng tự nguyện. Kết quả nghiên cứu sẽ không ảnh hưởng tới bất kỳ một kết quả xếp loại học tập nào của đối tượng tham gia nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n = 416)

Đặc điểm		n	%
Giới tính	Nam	40	9,6
	Nữ	376	90,4
Khu vực	Thành phố/thị trấn	89	21,4
	Nông thôn	327	78,6
Nơi ở	Thuê trọ ngoài	267	64,2
	Ký túc xá	94	22,6
	Cùng gia đình/người thân	55	13,2
Nơi ăn	Căng tin/quán ăn	114	27,4
	Tự nấu	248	59,6
	Ăn cùng gia đình	54	13,0

Sinh viên nữ chiếm đa số với tỷ lệ 90,4% so với sinh viên nam là 9,6%. Chủ yếu sinh viên đến từ các khu vực nông thôn (78,6%) trước khi và học đại học. Hiện tại, sinh viên lựa chọn thuê trọ ngoài (64,2%) nhiều hơn là ở ký túc xá (20,7%) hoặc ở cùng gia đình/người thân (13,2%).

Bảng 2. Kiến thức chung về dinh dưỡng của sinh viên

Kiến thức về dinh dưỡng		Tốt n = 314 (75,5%)		Chưa tốt n = 102 (24,5%)		OR (95%CI)
		n	%	n	%	
Giới	Nam	283	75,3	93	24,7	1,0
	Nữ	31	77,5	9	22,5	1,2 (0,5 – 2,5)
Tuổi	19 - 21	223	69,9	96	30,1	1,0
	≥ 22	91	93,8	6	6,2	6,5 (2,8 – 15,4)
Khóa học	Năm thứ nhất (N1)	80	72,1	31	27,9	1,0
	Năm hai, năm ba (N2+3)	148	68,2	69	31,8	0,8 (0,5 – 1,4)
	Năm thứ tư (N4)	86	97,7	2	2,3	16,7 (3,9 – 71,9)
Khu vực	Thành phố/Thị trấn	66	74,2	23	25,8	1,0
	Nông thôn	248	75,8	79	24,2	1,1 (0,6 – 1,9)
Nơi ở hiện tại	Thuê trọ ngoài	199	74,5	68	25,5	1,0
	Ký túc xá	71	75,5	23	24,5	1,1 (0,6 – 1,8)
	Ở cùng GD/người thân	44	80,0	11	20,0	1,4 (0,7 – 2,8)
Nơi ăn	Căng tin/ hàng quán	107	79,3	28	20,7	1,0
	Tự nấu	165	72,4	63	27,6	0,7 (0,4 – 1,1)
	Ăn cùng gia đình	42	79,2	11	20,8	0,9 (0,5 – 2,2)

Mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về dinh dưỡng với nhóm tuổi và khóa học của sinh viên ($p < 0,05$).

Hộp 1: Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy kiến thức về dinh dưỡng của sinh viên trong nhóm năm 1 và nhóm năm 2, 3 được cung cấp từ các kênh truyền thông và gia đình tuy nhiên với sinh viên năm thứ 4 trả lời được cung cấp kiến thức về dinh dưỡng từ môn học “Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm” trong chương trình đào tạo của nhà trường. Phỏng vấn về tầm quan trọng của bữa ăn sáng của một nhóm sinh viên năm 4 có kết quả gần giống nhau, các sinh viên trả lời: “*Ăn đầy đủ các bữa trong ngày là vô cùng quan trọng đối với sức khỏe. Đặc biệt bữa sáng là bữa ăn đầu tiên cung cấp năng lượng lớn cho 1 ngày. Bữa sáng có bao gồm glucid bổ sung năng lượng cho tế bào não hoạt động tốt giúp cho sinh viên tập trung và ghi nhớ bài học hiệu quả hơn*” PV SV nữ, năm 4, đủ cân.

Bảng 3. Thái độ chung về dinh dưỡng của sinh viên

Thái độ về dinh dưỡng		Tích cực n = 166 (39,9%)		Chưa tích cực n = 250 (60,1%)		OR (95%CI)
		n	%	n	%	
Giới	Nam	19	47,5	21	52,5	1,0
	Nữ	147	39,1	229	60,9	1,4 (0,7 – 2,7)
Tuổi	19 - 21	116	36,4	203	63,6	1,0
	≥ 22	50	51,5	47	48,5	1,8 (1,2 – 2,9)
Khóa học	Năm thứ nhất	42	37,8	69	62,2	1,0
	Năm hai, năm ba	77	35,5	140	64,5	0,9 (0,6 – 1,5)
	Năm thứ tư	47	53,4	41	46,6	1,9 (1,1 – 3,3)
Khu vực	Nông thôn	130	39,8	197	60,2	1,0
	Thành phố/Thị trấn	36	40,4	53	59,6	1,4 (0,9 – 2,2)
Nơi ở hiện tại	Thuê trọ ngoài	96	36,0	171	64,0	1,0
	Ký túc xá	40	42,6	54	57,4	1,3 (0,8 – 2,1)
	Ở cùng người thân	30	54,5	25	45,5	2,1 (1,2 – 3,8)
Nơi ăn	Căng tin/hàng quán	47	34,8	88	65,2	1,0
	Tự nấu	90	39,5	138	60,5	1,2 (0,8 – 1,9)
	Ăn cùng gia đình	29	54,7	24	45,3	2,3 (1,2 – 4,3)

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thái độ chung về dinh dưỡng với nhóm tuổi, khóa học, nơi ăn và ở hiện tại của sinh viên ($p < 0,05$).

Hộp 2: Theo kết quả nghiên cứu định tính: SV được sinh sống cùng gia đình có thái độ về dinh dưỡng tích cực hơn: “ Ở nhà, em được ăn đầy đủ các bữa trong ngày cùng gia đình. Em tự tin để nấu các bữa ăn hàng ngày đầy đủ dinh dưỡng vì ở nhà em đầy đủ dụng cụ bếp và đã có sẵn các loại thực phẩm đa dạng và đi chợ cũng rất dễ dàng” (PV SV năm 2, sinh sống cùng gia đình).

Bảng 4. Mối liên quan giữa kiến thức và thái độ về dinh dưỡng

Thái độ chung về dinh dưỡng		Tích cực		Chưa tích cực		OR (95%CI)
		n	%	n	%	
Kiến thức chung về dinh dưỡng	Tốt	154	49,0	160	51,0	7,2 (3,8 – 13,7)
	Chưa tốt	12	11,8	90	88,2	

Những sinh viên có kiến thức tốt về dinh dưỡng thì có thái độ tích cực cao gấp 7,2 lần so với nhóm có kiến thức chưa tốt. Sự khác biệt có độ tin cậy 95% và $p < 0,001$.

Hộp 3: Kết quả định tính cho thấy sinh viên nắm rõ được kiến thức về dinh dưỡng sẽ có thái độ về dinh dưỡng tích cực hơn: *“Các vấn đề dinh dưỡng đều nghiêm trọng vì chúng có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của bản thân. Để không gặp các tình trạng dinh dưỡng không tốt em thường quan tâm đến thực phẩm ăn hàng ngày có đủ các nhóm dinh dưỡng và ăn uống khoa học hơn”* PV L, nữ, SV năm 4.

BÀN LUẬN

Kiến thức và thái độ về dinh dưỡng của sinh viên điều dưỡng không chỉ tác động đến cuộc sống, thực hành nghề nghiệp của chính các bạn mà còn tác động tới cả gia đình, cộng đồng, xã hội. Do đó, việc trang bị đầy đủ kiến thức tốt cũng như có thái độ tích cực là điều cần thiết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 75,5% SV có kiến thức chung về dinh dưỡng ở mức tốt (biết $\geq 70\%$ số câu hỏi kiến thức). Trong đó tỷ lệ kiến thức chung về dinh dưỡng tốt ở SV nữ và SV nam lần lượt là 75,3% và 77,5%. So sánh với kết quả của nghiên cứu trên đối tượng sinh viên trường Trung cấp Y tế Tỉnh Bắc Giang năm 2016, sinh có kiến thức về dinh dưỡng ở mức độ tốt là 52,3%⁸. Sự khác biệt này có thể giải thích bởi sự khác biệt về trình độ ngành học của SV (đại học so với trung cấp) cũng như mối quan tâm đối với kiến thức dinh dưỡng.

Thái độ chung của sinh viên về dinh dưỡng, chỉ có 39,9% SV có thái độ dinh dưỡng tích cực. SV năm thứ 4 có thái độ tích cực hơn rõ rệt so với SV của 3 năm học đầu. Một nghiên cứu tiến hành năm 2013 nhằm so sánh kiến thức, thái độ, thực hành hướng tới chế độ ăn cân bằng giữa sinh viên ngành dinh dưỡng và sinh viên ngành khác ở Trường Đại học Hải cũng chỉ ra rằng có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm thái độ giữa SV được học dinh dưỡng và SV không được học về dinh dưỡng⁴. Nhóm SV sống và sinh hoạt cùng gia đình cũng có thái

độ về dinh dưỡng tích cực hơn nhóm SV thuê trọ ngoài.

Kết quả nghiên cứu định tính khi phỏng vấn về tầm quan trọng của bữa ăn sáng, nhóm sinh viên năm thứ 4 có kiến thức, thái độ tốt và tích cực hơn những sinh viên năm 1, 2 và 3. Nhóm sinh viên năm 4 cho rằng: *“Ăn đầy đủ các bữa trong ngày là vô cùng quan trọng đối với sức khỏe. Đặc biệt bữa sáng là bữa ăn đầu tiên cung cấp năng lượng lớn cho 1 ngày. Bữa sáng cần phải có glucid để bổ sung năng lượng cho tế bào não hoạt động tốt giúp cho sinh viên tập trung và ghi nhớ bài học hiệu quả hơn”*. Trong khi nhóm sinh viên năm thứ nhất và thứ 2 cho rằng: *“bữa sáng không quan trọng lắm và thường không ăn sáng”*. Điều này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu định lượng.

Khi xem xét về các yếu tố liên quan, kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố nơi ăn và nơi ở có tác động tới thái độ về dinh dưỡng. Nhóm SV sống và sinh hoạt cùng gia đình cũng có thái độ về dinh dưỡng tích cực hơn nhóm SV thuê trọ ngoài. Đặc biệt yếu tố năm học có ảnh hưởng đến kiến thức và thái độ về dinh dưỡng của SV. Điều này có thể được lý giải do SV năm 4 được học môn “Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm” vào học kỳ 1 năm thứ 4 vì vậy sẽ có kiến thức và thái độ về dinh dưỡng (lần lượt là 97,7% và 53,4%) tốt hơn rõ rệt so với SV các năm chưa được học qua học phần này. Nghiên cứu này cho thấy rằng sự can thiệp của giáo dục dẫn đến nâng cao kiến thức về dinh dưỡng và nâng cao thái độ của sinh viên.

Kết quả bảng 4 cho thấy, kiến thức chung về dinh dưỡng của SV còn liên quan tới thái độ dinh dưỡng, nhóm SV có kiến thức chung về dinh dưỡng tốt thì cũng có thái độ tích cực hơn nhóm SV kiến thức chưa tốt, sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê với mức $p < 0,05$. Mỗi liên quan này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu KAP dinh dưỡng (2011) ở sinh viên các ngành quản lý kinh doanh, kế toán, luật, hóa học, giáo dục thể chất, điều dưỡng tại đại học Azad (Iran): có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa mức độ kiến thức và thái độ ở cả 2 giới⁹.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về các kiến thức liên quan tới dinh dưỡng chiếm 75,5%. Sinh viên có thái độ dinh dưỡng chưa tích cực (39,9%). Sinh viên năm 4 có khả năng có kiến thức và thái độ tốt hơn nhóm sinh viên năm 1, năm 2 và năm 3 (trương ứng với $OR = 16,7$; $95\%CI = 3,9 - 71,9$ và $OR = 1,9$; $95\%CI = 1,1 - 3,3$). Các yếu tố nơi ăn, nơi ở và số năm học liên quan có ý nghĩa thống kê đến kiến thức, thái độ về dinh dưỡng của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robyn Perlstein & et al. Medical students' perceptions regarding the importance of nutritional knowledge and their confidence in providing competent nutrition practice, *Public Health*. 2016, Vol 140, pp. 27-34. doi: 10.1016/j.puhe.2016.08.019.

2. Angeliki Papadaki & et al. Eating habits of University students living at, or away from home in Greece, *Appetite*. 2007, Vol 49(1), pp. 169-176. doi: 10.1016/j.appet.2007.01.008.

3. MA Abolfotouh & et al. Health-related lifestyles and risk behaviours among students living in Alexandria University

Hostels, *EMHJ-Eastern Mediterranean Health Journal*. 2007, Vol 13, pp. 376-391.

4. Rafia Bano & et al. A comparative study of knowledge, attitude, practice of nutrition and non-nutrition student towards a balanced diet in Hail University, *Journal of Nursing and Health Science*. 2013, Vol 2(3), pp. 29-36.

5. Nguyễn Hoàng Long & et al. Tình trạng dinh dưỡng và chất lượng cuộc sống của sinh viên năm thứ nhất Đại học Quốc gia Hà Nội. *Tạp chí y học dự phòng*. 2014, Tập XXIV, Số 6 (155)

6. Nguyễn Lê Quỳnh Như. Tình trạng dinh dưỡng và kiến thức, thái độ, dinh dưỡng của sinh viên Y3 trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2020 [Luận văn Thạc sĩ Y học], Trường Đại học Y Hà Nội. 2020.

7. Food and Agriculture Organization of the United Nations FAO. Guidelines for assessing nutrition-related knowledge, attitudes and practices. 2014

8. Nguyễn Thị Thu. Kiến thức, thái độ, thực hành dinh dưỡng và tình trạng dinh dưỡng của học sinh trường Trung cấp Y tế Bắc Giang năm 2016 [Luận văn Thạc sĩ Y học]. Trường Đại học Y Hà Nội. 2017

9. Mohammad Azizi & et al. Nutrition knowledge, the attitude and practices of college students, *Facta Universitatis: Series Physical Education Sport*. 2011, Vol 9(3).